

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CM  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2020/DS-ST

Ngày: 14-8-2020

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DCTH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH AN GIANG**

**- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hữu Nghĩa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ ThCTh Nhân.

2. Bà Nguyễn Thị Ly.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 293/2020/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Th T, sinh năm: 1969; có mặt.

Địa chỉ: Ấp Hòa Long 2, thị trấn CT, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1968; có mặt.

Địa chỉ: Ấp Nhơn CT, xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quCT:* Bà Đặng Thị Mai, sinh năm 1970; vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Hòa Long 3, thị trấn CT, huyện Châu Th, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2020, quá trình tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Nguyễn Th T trình bày:*

Ngày 24/9/2018, ông có cho ông Nguyễn Hữu Th vay số tiền là 525.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, mục đích vay trả nợ đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 07 ngày kể từ ngày vay; có làm biên nhận do ông Th trực tiếp viết, ký và ghi họ tên. Tuy nhiên, khi đến hạn thì ông Th không thCTh toán đúng như thỏa

thuận nên ông liên hệ đòi nhiều lần thì được ông Th trả vốn gốc là 225.000.000 đồng vào ngày 24/02/2019, còn nợ lại 300.000.000 đồng cho đến nay. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Th phải có nghĩa vụ trả dứt số tiền còn nợ vốn gốc là 300.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định từ ngày 24/2/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

*Bị đơn ông Nguyễn Hữu Th trình bày:* Ông thừa nhận có vay tiền của ông T để đáo nợ ngân hàng hoàn toàn đúng như ông T trình bày. Do khi ông trả nợ xong cho Ngân hàng thì không được cho vay lại nên không có tiền hoàn trả vốn và lãi theo thỏa thuận. Ngày 24/2/2019, ông T có giới thiệu cho ông vay tiền Quỹ tín dụng nên ông có trả vốn được 225.000.000 đồng, còn nợ lại 300.000.000 đồng. Ngày 26/02/2019, ông có vay tiền của Ngân hàng Xây dựng được 500.000.000 đồng chuyển thẳng vào tài khoản của bà Đặng Thị Mai để trả nợ cho ông T nhưng không được bà Mai thừa nhận và do ông không có chứng cứ gì để chứng minh nên ông không có ý kiến và yêu cầu gì với bà Mai. Tại phiên tòa, do hoàn cảnh kinh tế hiện nay đCTg gặp khó khăn nên yêu cầu Tòa án tạo điều kiện cho ông được trả dần số nợ mà ông T khởi kiện, còn lãi thì không đồng ý trả.

*Tại tờ tường trình ngày 22/5/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quCT bà Đặng Thị Mai trình bày:* Bà có quen biết ông Nguyễn Th T do có mượn tiền đáo hạn Ngân hàng. Bà biết ông Nguyễn Hữu Th là do ông T giới thiệu ông Th hỏi mượn tiền bà trước đây do ông T kẹt vốn không cho ông Th mượn tiền được. Khi hỏi mượn tiền bà và ông Th có lập biên nhận, bà giữ biên nhận. Khi ông Th trả tiền thì bà trả lại biên nhận cho ông Th.

Đối với lời khai của ông Th tại Tòa án nhân dân huyện CM cho rằng ông Th đã chuyển vào tài khoản của bà 500.000.000 đồng để trả cho khoản vay của ông Th đối với ông T. Bà xác định lại, ông Th vay tiền của bà thì trả cho bà. Còn việc ông Th vay tiền của ông T thì trả cho ông T. Không có việc vay tiền của ông T mà trả vào tài khoản của bà.

Do công việc làm ăn, bà không có điều kiện để đến Tòa án hòa giải theo giấy mời. Nay bà làm đơn này yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tham gia phiên Tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Th T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc CTh Nguyễn Hữu Th phải có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ nên quCT hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS);

Ông Th với tư cách là bị đơn trong vụ án có địa chỉ nơi cư trú tại ấp Nhơn CT, xã Nhơn Mỹ, huyện CM, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

Bà Đặng Thị Mai có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Mai là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS;

[2] Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Th thừa nhận còn nợ ông T số tiền vốn là 300.000.000 đồng. Như vậy, đây là sự việc được đương sự thừa nhận thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS. Do đó ông T yêu cầu ông Th phải thanh toán nợ một lần cả vốn lẫn lãi phát sinh là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 nên được Tòa án chấp nhận.

Đối với yêu cầu được trả dần số tiền mà ông T khởi kiện cho đến khi dứt nợ và không đồng ý trả lãi của ông Th do không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở để Tòa án xem xét chấp nhận.

Về số tiền lãi phát sinh thì theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, được tính cụ thể như sau: Từ ngày 24/02/2019 đến ngày 14/8/2020 là 17 tháng, 20 ngày  $\times 300.000.000$  đồng  $\times 20\%/12$  tháng = 88.300.000 đồng.

Như vậy, tổng vốn và lãi ông Th có nghĩa vụ trả cho ông T là 388.300.000 đồng (*Ba trăm tám mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của ông T được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008100 ngày 21/2/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện CM, tỉnh An Giang.

Ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 388.300.000 đồng x 5% = 19.415.000 đồng (*Mười chín triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bCT Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Th T đối với ông Nguyễn Hữu Th. Buộc ông Th phải có nghĩa vụ thCTh toán cho ông T số tiền cả vốn lẫn lãi là 388.300.000 đồng (*Ba trăm tám mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng*). Trong đó vốn là 300.000.000 đồng và lãi phát sinh là 88.300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

#### **2. Án phí:**

Ông Nguyễn Th T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008100 ngày 21/2/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện CM, tỉnh An Giang.

Ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 19.415.000 đồng (*Mười chín triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng*).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hữu Nghĩa**